TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1432/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14-9-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Anh Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Lợi;

2. Ông Trần Văn Chon.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lụa - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh *không tham gia phiên tòa*.

Ngày 14 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 980/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2022 về việc tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 376/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 404/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm: 1975; địa chỉ: Số 90/12 Đoàn Minh T, ấp Th, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm: 1974; địa chỉ: Số 90/12 Đoàn Minh T, ấp Th, xã M, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 28/5/2022 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày:

Bà với ông Nguyễn Văn V tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức cưới, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 228, quyển số 02/1998 ngày 08/10/1998. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng hạnh phúc một thời gian, rồi phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông V không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, ham chơi, đam mê cờ bạc, thường xuyên cãi vả gay gắt nên vợ chồng đã ly thân. Bà xác định không còn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Văn A, sinh năm: 1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thành L, sinh ngày 06/02/2005, hiện nay trẻ L đang sống với bà. Bà yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nghĩa vụ dân sự chung: Bà xác định không có, không yêu cầu Tòa án xem xét.

Các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình gồm: Giấy căn cước công dân của bà R, ông V; Sổ hộ khẩu; Trích lục giấy khai sinh, Giấy khai sinh của con (bản sao); Xác nhận thông tin cư trú của công an xã Thái Mỹ; Giấy đăng ký kết hôn; Đơn khởi kiện xin ly hôn; Bản tự khai (bản chính).

Ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập đương sự đến tham gia phiên tòa đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vắng mặt ông V.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ vào nội dung Đơn khởi kiện ngày 28/5/2022, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ pháp luật có tranh chấp là "Ly hôn theo yêu cầu của một bên" được quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 thuộc trường hợp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại xã Thái Mỹ, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Củ Chi theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Ông Nguyễn Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị R với ông Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 228, quyển số 02/1998 ngày 08/10/1998 nên là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Xét yêu cầu của bà R xin ly hôn với ông V là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, theo lời trình bày của bà R thì mâu thuẫn giữa bà với ông V là trầm trọng và không thể hàn gắn vợ chồng bất đồng quan điểm sống, ông V không lo làm ăn, không quan tâm đến vợ con, ham chơi, đam mê cờ bạc, thường xuyên cãi vả gay gắt làm cho gia đình mất hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà với ông V không còn quan hệ vợ chồng.

Ông V đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến hay bất cứ tài liệu, chứng cứ chứng minh có liên quan đến vụ án. Do vậy, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông V căn cứ theo các tài liệu chứng cứ mà phía nguyên đơn cung cấp theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định tình cảm vợ chồng giữa bà R với ông V không còn, tình trạng hôn nhân mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung của hai bên không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn A, sinh năm: 1999 và Nguyễn Thành L, sinh ngày 06/02/2005. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của trẻ cũng như nguyện vọng của bà R, ý kiến của trẻ L nên cần giao cho bà R tiếp tục được quyền nuôi dưỡng trẻ L và ông V không cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp. Đối với Nguyễn Văn A, sinh năm: 1999 là người đã thành niên (đủ 18 tuổi) nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Ghi nhận lời khai của bà R, vợ chồng không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Nghĩa vụ dân sự chung: Ghi nhận lời khai của bà R vợ chồng không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.5] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm:

Bà R phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116, Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị R được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Giấy chứng nhận kết hôn số 228, quyển số 02/1998 ngày 08 tháng 10 năm 1998 đã được Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà R, ông V không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Văn A, sinh năm: 1999 đã thành niên (đủ 18 tuổi) và Nguyễn Thành L, sinh ngày 06/02/2005. Bà R được quyền

trực tiếp nuôi dưỡng trẻ L; ghi nhận sự tự nguyện của bà R không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con chung.

Việc cấp dưỡng nuôi con chung có thể thay đổi do các bên thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì các bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết bằng vụ án khác.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Nếu người không trực tiếp nuôi con chung lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con chung.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Nghĩa vụ dân sự chung: Không có.

5. Án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) bà Nguyễn Thị R phải nộp nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số: AA/2021/0044923 ngày 27/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi, Thành phồ Hồ Chí Minh. Bà R đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi;
- Ủy ban nhân dân xã Tân Thạnh Đông, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.
(12 bản)

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Dương Anh Đạt

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Anh Đạt